

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/4/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn.
- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đỗ Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Văn Xuân A, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, Ấp B, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chỗ ở: Tổ A, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đỗ Q trình bày: Bà Q và ông Văn Xuân A tự nguyện chung sống, năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt tính cách, cách xử xử thường ngày dẫn đến cãi vã, căng thẳng. Từ tháng 9/2023, bà dọn ra ngoài thuê nhà ở, ban ngày bà về nhà nấu cơm cho các con. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A. Về con chung: Bà và ông A có hai con chung là Văn Anh T, sinh ngày 08/3/2009 và Văn Bảo H, sinh ngày 28/10/2012. Tại đơn khởi kiện, bà đã yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Văn Anh T; giao con chung Văn Bảo H cho ông A trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nay bà thay đổi như sau: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con

chung cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Văn Xuân A cấp dưỡng nuôi con. Các con chung đều được đi học đầy đủ, cháu Văn Anh T hiện đang học lớp 9; Văn Bảo H đang học lớp 6 đều tại trường Phan Chu Trinh, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ. Bà hiện làm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Life, kinh doanh mở dây hui. Thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Thời gian làm việc tự do nên có điều kiện chăm sóc các con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà, bà Q giữ nguyên các yêu cầu trên.

Quá trình tố tụng, bị đơn - ông Văn Xuân A trình bày như sau: Ông A xác nhận có chung sống, đăng ký kết hôn và có con chung như Bà Q trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông A cho rằng quá trình chung sống giữa ông và bà Q không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng vào khoảng tháng 10/2023, khi thấy bà Q đi sinh nhật bạn về khuya chưa về, ông đi tìm thì bắt gặp bà Q đứng nói chuyện với một người đàn ông ở đường vắng vào lúc 01 giờ sáng. Vợ chồng sống ly thân, thường thì buổi sáng bà Q nấu cơm cho các con ăn cả ngày còn buổi tối thì bà Q ra ngoài ở, ông không biết bà Q ở đâu. Nay bà Q xin ly hôn thì ông không đồng ý, ông mong muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con. Về con chung: Trường hợp ly hôn thì ông không đồng ý yêu cầu giao mỗi người nuôi một con chung, ông mong muốn ông hoặc bà Q sẽ nuôi hai con để không chia rẽ chị em. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà, ông A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Q được ly hôn với ông A. Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung Văn Anh T, sinh ngày 08/3/2009 và Văn Bảo H, sinh ngày 28/10/2012 cho bà Q trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi; ông A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Văn Xuân A nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn có cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ; tại phiên toà, ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 08/9/2008 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Q và ông A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của Bà Q, ông A đều xác định giữa bà Q và ông A có mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, mặc dù ông A cho rằng ông còn tình cảm với bà Q và có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng lại không tham gia hoà giải, không tham gia phiên tòa mà bỏ mặc quan hệ vợ chồng, bản thân ông A cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên đoàn tụ nhưng bà Q cương quyết ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải là sự tự nguyện và đến từ hai phía mới đảm bảo được hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Q, ông A là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q với ông A.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ bản sao giấy khai sinh, có cơ sở để xác định: Bà Q và ông A có hai con chung là Văn Anh T, sinh ngày 08/3/2009 và Văn Bảo H, sinh ngày 28/10/2012. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà Q thì thấy: Hai con chung đều là con gái, cần có sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ, bản thân bà Q có việc làm, có thu nhập và thời gian chăm sóc con; bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ; mặt khác ông A cũng đồng ý khi ly hôn thì giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà Q trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bà Q không yêu cầu nên ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Nguyễn Thị Đỗ Q đối với ông Văn Xuân A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q được ly hôn với ông Văn Xuân A.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung là Văn Anh T, sinh ngày 08/3/2009 và Văn Bảo H, sinh ngày 28/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Đỗ Q trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Ông Văn Xuân A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2923 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Đỗ Q đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/4/2024), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Huyền